TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: **58**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03 – 9 – 2020
V/v "Chia tài sản sau khi ly hôn".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Mạnh

2. Ông Lưu Quốc Nhật

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:**Ông Nguyễn Hữu Hùng– Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 398 /2019/TLST-DS ngày 23/9/2019 về việc "Chia tài sản sau khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXX-ST ngày 01/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Điểu Ph, sinh năm 1977 (Có)

Trú tại: Tổ 2, ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Bà Điểu Thị H, sinh năm 1980 (Vắng)

Trú tại: Tổ 2, ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Thị S, sinh năm 1963. Trú tại: Tổ 1, ấp 23, xã Phước A, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

Bà Điểu Thị Kim P, sinh năm 1978, Ông Điểu T, sinh năm 1976; Cùng trú tại: Tổ 2, ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước.(Vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Điểu Ph trình bày:

Ông Điểu Ph và bà Điểu Thị H ly hôn năm 2019 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hônsố 173/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Khi ly hôn ông Ph và bà H tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầuTòa án giải quyết. Do hai bên có mâu thuẫn khi tự thỏa thuận nên ông Ph khởi kiện yêu cầu chia các tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân như sau:

- Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 56, diện tích 119,9m^{2}tọa lạc tại ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 625825, số vào sổ H 01388, do Ủy ban nhân dân huyện Bình Long cấp ngày

12/02/2009 cho hộ bà Điểu Thị H và ông Điểu Ph. Ông Ph yêu cầu nhận thửa đất số 06, tờ bản đồ số 56 và toàn bộ tài sản trên đất.

- Còn 01 thửa đất tọa lạc tại Tổ 2, ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, bao gồm 699m^2 thuộc thửa đất số 73;728,2m^2 thuộc thửa đất số 72; 9,9m^2 thuộc thửa đất số 86; Tổng diện tích 1437,1m^2 giao cho bà H.

Ông Điểu Ph yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung. Người nhận tài sản có giá trị lớn hơn thì phải hoàn phần chênh lệch cho người kia.

* Đối với 01 thửa đấtdiện tích 148,5m^2 thuộc thửa số 236 tờ bản đồ số 28 tọa lạc ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước: Thửa đất này có 05 m ngang là tài sản của ông Ph, bà H, phần còn lại là của ông Điểu T, bà Điểu Thị Kim P. Do là người trong gia đình nên ông Ph để cho ông T, bà Pđứng tên kê khai đất, hai bên chưalàm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.Hiện nay ông Phchưa cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là tài sản chung của ông và bà H nên ông Ph rút yêu cầu chia đối với thửa đất này, khi nào thu thập được chứng cứ sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Bị đơn bà Điểu Thị H:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2019 bà Điểu Thị H thừa nhận bà và ông Điểu Ph có tài sản chung là Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 56, diện tích 119,9m^{2}tọa lạc tại ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước; 01 thửa đất khoảng 1200m^{2}tọa lạc tại tổ 2, ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q. Bà H yêu cầu được nhận thửa đất số 06, còn thửa đất tại tổ 2, ấp Sóc Răng, xã Thanh Bình giao cho ông Ph, bà sẽ trả tiền chênh lệch cho ông Ph.Đối với 01 thửa đấtdiện tích khoảng 200m^2 (Đo đạc chính xác là 148,5m^2)thuộc thửa số 236 tờ bản đồ số 28 tọa lạc ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước là tài sản riêng của bà H, không đồng ý chia cho ông Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thị S trình bày:

Bà S và ông Điểu D (đã chết) là người đứng tên chủ sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 625861, số vào sổ H 01334, do Ủy ban nhân dân huyện Bình Long cấp ngày 12/02/2009, đất gồm 04 thửa số 86, 87, 72, 73. Các phần đất trên do ông D và bà Đ mua chung, bà Thị Đ- mẹ chồng bà Thị S cho vợ chồng bà đại diện đứng tên. Hiện nay gia đình bà S đang sử dụng thửa đất số 87, còn lại 03 thửa 73, 72, 86 bà Đuông đã chia cho gia đình hai con gái là Điểu Thị H và Điểu Thị Kim P sử dụng, chia theo chiều dài thửa đất từ tây sang đông, cả hai gia đình đã đào mương làm ranh giới, sử dụng ổn định không có tranh chấp. Ranh đất theo ông Ph chỉ khi đo đạc là đúng theo hiện trạng sử dụng. Ông Ph hoặc bà H ai là người được chia thửa đất ruộng trên theo quyết định của Tòa án thì bà S cũng đồng ý ký các giấy tờ để sang tên sổ đất cho họ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Điểu Thị Kim P, ông Điểu T:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Điểu Thị Kim P, ông Điểu T đã được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng bà Thị Đuông trình bày:

Bà Thị Đ là mẹ của Điểu Thị H, khoảng năm 2010 bà bán cho ông Ph, bà H 01 thửa đất ruộng khoảng 1.200m^2 với giá 9.000.000đ (Chín triệu đồng), đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do con dâu bà Đ là bà Thị S đứng tên. Hiện nay ông Ph, bà H vẫn chưa tách sổ nhưng đất đã sử dụng ổn định, có ranh mốc và không có tranh chấp. Bà Đ thống nhất công nhận phần đất ruộng trên là tài sản chung của Điểu Thị H và Điểu Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiến nghị: Vụ án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 01 thửa đất diện tích 148,5m^2 thuộc thửa số 236 tờ bản đồ số 28 tọa lạc ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu này. Đối với hai thửa đất còn lại, cả ông Ph, bà H cùng có nguyện vọng được nhận thửa đất số 06. Trên cơ sở hồ sơ vụ án, biên bản xác minh tại địa phương thì bà H đã xây dựng căn nhà khác để ở, ông Ph và các con ở tại căn nhà trên thửa đất số 06.Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho ông Ph và các con, đề nghị Hội đồng xét xử giao thửa đất số 06 cho ông Ph, giao cho bà H thửa đất diện tích 1437,1m^2 cho bà H. Căn cứ kết quả định giá tài sản buộc bên nhận tài sản có giá trị lớn hơn hoàn trả phần chênh lệch cho bên còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật của vụ án là Chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28của Bộ luật tố tụng dân sự. Nơi cư trú của bị đơn và tài sản tranh chấp đều thuộc huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phướcnên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Điểu Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Điểu Thị Kim P, ông Điểu T đã được tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng và Quyết định đưa

vụ án ra xét xử nhưng không đến tham gia phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét đơn khởi kiện của ông Điểu Ph yêu cầu chia tài sản chung là 03 thửa đất, tại phiên tòa, ông Điểu Ph rút yêu cầu chia đối với 148,5m^2 đất thuộc thửa số 236 tờ bản đồ số 28 tọa lạc ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước do chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh đất là tài sản chung của ông và bà H. Việc rút yêu cầu của ông Ph là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ph.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ph:

Trình bày của ông Ph và bà H cùng thống nhất ông bà có tài sản chung là: Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 56, diện tích 119,9m^2 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 12/02/2009 cho hộ bà Điểu Thị H và ông Điểu Ph và thửa đất diện tích 1437,1m^2 hiện nay vẫn do hộ ông Điểu D (đã chết) và bà Thị S đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lời khai của bà Thị S công nhận phần 1437,1m^2 là của ông Ph, bà H và đồng ý ký các giấy tờ để sang tên sổ đất cho người được chia thửa đất ruộng trên theo quyết định của Tòa án. Từ đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là 02 thửa đất trên của ông Điểu Ph.

Hai đương sự Điểu Ph và Điểu Thị H đều yêu cầu được nhận thửa đất số 06 diện tích 119,9m^2, giao cho người còn lại thửa đất ruộng diện tích 1437,1m^2.Để có cơ sở xem xét yêu cầu của hai bên, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương thì thấy được sau khi ly hôn bà Điểu Thị H đã xây dựng căn nhà khác để ở, ông Điểu Ph là người quản lý, sử dụng căn nhà tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 56, và giao các con là Thị H, Điểu SE, Điểu Thị K ông Ph ở trong căn nhà trên.Xét nhu cầu sử dụng, điều kiện chỗ ở của ông Ph và bà H thấy được bà H đã có nhà ở, ông Ph và các con không còn căn nhà nào khác nên để bảo đảm ổn định cuộc sống cho ông Ph và các con,Hội đồng xét xử chấp nhận giao choông Điểu Ph thửa đất số 06, tờ bản đồ số 56, tọa lạc tại ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước và toàn bộ tài sản trên đất.

Do ông Ph đã nhận thửa đất 06 nên giao thửa đất còn lại diện tích 1437,1m^2, tại tổ 2, ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, đây là đất nông nghiệp (mục đích sử dụng ký hiệu LUK) cho bà Điểu Thị H.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 11/3/2020 giá trị các tài sản trên các thửa đất như sau:

- Thửa đất 06, tờ bản đồ 56 chia cho ông Ph:

+ Đất ở diện tích 119,9m^2, đơn giá 4.100.000đ/1m^2, thành tiền 458.790.000đ.

+ Tài sản trên đất gồm:

Nhà cấp 4 xây dựng năm 2007 diện tích 92,5m^2, kết cấu tường xây gạch có tô trát, mái lợp tôn, nền làng gạch men, cửa khung sắt kính, đơn giá 2.375.000đ/1m^2, giá trị sử dụng còn 40%, thành tiền 87.875.000đ.

01 sân bê tông diện tích 25m^2, đơn giá 195.000đ/1m^2, giá trị sử dụng còn 50%, thành tiền 2.437.500đ.

01 mái hiên diện tích 25m^2, đơn giá 500.000đ/1m^2, giá trị sử dụng còn 70%, thành tiền 8.750.000đ.

Tổng cộng 557.852.500đ (Năm trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng).

- Thửa đất diện tích 1437,1m^2 chia cho bà H:

+ Đất thuộc khu vực 3, vị trí 1 diện tích 1437,1m^2, đơn giá 35.000.000đ/1000m^2, thành tiền 50.298.500đ.

+Tài sản trên đất 38 cây điều, đơn giá 120.000đ/1 cây, thành tiền 4.560.000đ.

Tổng cộng: 54.858.500đ (Năm mươi bốn triệu tám trăm năm mươi tám ngàn năm trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản chung là **612.711.000đ**. Như vậy, ông Ph và bà H mỗi người được hưởng **306.355.500đ**. Do ông Điểu Ph được nhận tài sản có giá trị lớn hơn phần được hưởng nên phải trả lại cho bà Điểu Thị H phần chênh lệch là **251.479.000đ** (Hai trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn đồng)

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ và định giá tài sản 3.000.000đ, chi phí đo đạc 4.406.000đ (Làm tròn từ 4.405.791đ). Tổng cộng 9.406.000đ. Ông Điểu Ph và bà Điểu Thị H mỗingười chịu một nửa chi phí tố tụng là 4.703.000đ. Do ông Điểu Ph đã đóng tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên bà Điểu Thị H phải trả lại cho ông Điểu Ph 4.703.000đ.

Tiền tạm ứng chi phí đo đạc dư 5.594.000đ đã trả lại cho ông Ph.

[5] Về án phí:

Ông Điểu Ph và bà Điểu Thị H mỗi người phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng là 15.317.775đ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;Các điều 33, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điểu Ph về việc chia tài sản sau khi ly hôn.

Chia cho ông Điểu Ph thửa đất số 06, tờ bản đồ số 56, diện tích 119,9m^2 tọa lạc tại ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 625825, số vào sổ H 01388, do Ủy ban nhân dân huyện Bình Long cấp ngày 12/02/2009 cho hộ bà Thị H và ông Điểu Ph. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2007 diện tích 92,5m^2, kết cấu tường xây gạch có tô trát, mái lợp tôn, nền làng gạch men, cửa khung sắt kính; 01 sân bê tông diện tích 25m^2, 01 mái hiên diện tích 25m^2. Tổng giá trị 557.852.500đ (Năm trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Chia cho bà Điểu Thị H thửa đất diện tích 1437,1m^2 tọa lạc tại Tổ 2, ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, (bao gồm 699m^2 thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 29; 728,2m^2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 29; 9,9m^2 thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 29). Tứ cận: Bắc giáp thửa 71, 62, 61, tờ bản đồ số 29; Nam giáp với đất của bà Điểu Thị Kim P (một phần thửa số 73, một phần thửa số 86, tờ bản đồ số 29); Đông giáp suối, Tây giáp mương nước. Trên đất có 38 cây điều trồng năm 2018. Tổng giá trị 54.858.500đ (Năm mươi bốn triệu tám trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Ông Điểu Ph và bà H mỗi người được hưởng một nửa giá trị tài sản chung là 306.355.500đ. Ông Điểu Ph phải trả cho bà Điểu Thị H phần giá trị tài sản chênh lệch là 251.479.000đ (Hai trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Vị trí, diện tích các thửa đất 86, 72, 73 thể hiện trong Trích đo bản đồ địa chính ngày 17/02/2020 do Công ty TNHH một thành viên đo đạc bản đồ Bình Long thực hiện.

Ông Điểu Ph và bà Điểu Thị H có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo bản án này.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất diện tích 148,5m^2 thuộc thửa số 236 tờ bản đồ số 28 tọa lạc ấp Sóc R, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước. Ông Điểu Ph có thể khởi kiện thành vụ án khác nếu có yêu cầu.

3.Về chi phí tố tụng: Ông Điểu Ph và bà Điểu Thị H mỗi người chịu một nửa chi phí tố tụng là 4.703.000đ (Bốn triệu bảy trăm lẻ ba nghìn đồng). Do ông Điểu Ph đã đóng tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên bà Điểu Thị H phải trả lại cho ông Điểu Ph số tiền 4.703.000đ (Bốn triệu bảy trăm lẻ ba nghìn đồng).

Số tiền tạm ứng chi phí đo đạc dư là 5.594.000đ Tòa án đã trả lại cho ông Điểu Ph.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Ông Điểu Ph phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng là 15.317.775đ, được trừ vào 3.437.500đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001580 ngày 23/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản. Ông Điểu Ph còn phải đóng thêm là 11.880.275đ (Mười một triệu tám trăm tám mươi nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Bà Điểu Thị H phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần tài sản được hưởng là 15.317.775đ (Mười lăm triệu ba trăm mười bảy nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

5. Kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sư
- Nơi ĐKKH
- CCTHADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Thủy